

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29/5/2025

Về việc: “Xin ly hôn, tranh chấp
về nuôi con chung khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH GIA LAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Ông Phan Huy Viễn.

- **Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Siu Drênh.

2. Ông Võ Văn Hưng.

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Ánh Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Ông Trần Quyết - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 08/2025/TLST-HNGĐ, ngày 11 tháng 3 năm 2025, về việc “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 14 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T sinh năm 1981;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Nơi ở hiện tại: Thôn 10, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - có đơn xin xét xử vắng mặt.

- **Bị đơn:** Ông Trương Tất S, sinh năm 1975; địa chỉ: Thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai - vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/3/2025 và bản tự khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Tôi với ông Trương Tất S cưới nhau năm 2001 nhưng tại thời điểm đó chúng tôi chưa đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục. Việc chúng tôi cưới nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì chúng tôi đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Đến năm 2003 chúng tôi mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Hải Dương vào ngày 25/02/2003. Sau khi cưới chúng tôi chung sống hạnh phúc với nhau và có con chung. Cách đây khoảng 8 năm thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình mỗi người bắt đầu đổi khác, thường xuyên bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc

sống. Do việc sống chung có quá nhiều điều không hay, để tránh việc va chạm, cãi cọ nên chúng tôi đã sống ly thân từ đó và không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay tôi thấy giữa tôi và ông S đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau (đã 8 năm nay chúng tôi không qua lại với nhau, không chăm sóc gì cho nhau), hạnh phúc gia đình không có nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông S.

Về con chung: Quá trình chung sống, tôi với ông Trương Tất S có 02 con chung là cháu Trương Tất N, sinh ngày 23/9/2001 và cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 03/01/2008. Hiện nay, cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Riêng cháu H còn nhỏ, sống phụ thuộc nên khi ly hôn tôi có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu vì cháu là con gái, cần sự yêu thương và chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Tôi cam đoan sẽ nuôi dưỡng cháu đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Tôi cũng không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn trong vụ án là ông Trương Tất S: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự cho ông S nhưng ông S không đến Tòa án để làm việc, không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T cũng như các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện K đã tiến hành xác minh địa chỉ nơi cư trú cũng như tình trạng hôn nhân của ông Trương Tất S và bà Nguyễn Thị T vào ngày 27/3/2025 và ngày 16/4/2025, xác định: Ông Trương Tất S, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1981 là vợ chồng và có đăng ký thường trú tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Việc ông S, bà T có mâu thuẫn với nhau trong quá trình hôn nhân thì địa phương cũng chỉ nghe nói chứ ông bà chưa khi nào yêu cầu chính quyền địa phương can thiệp, hòa giải. Hiện nay thì ông S vẫn sinh sống tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai còn bà T đi làm ăn xa, khi về địa phương thì bà sinh sống tại nhà cha mẹ đẻ của bà tại thôn 10, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai. Ông bà cũng đã sống ly thân với nhau từ 07 đến 08 năm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong việc xây dựng hồ sơ vụ án, tiến hành các thủ tục tố tụng; việc chấp hành pháp luật của các đương sự và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, các thủ tục tố tụng được đảm bảo đúng thời hạn theo đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng xét xử tuân theo pháp luật khi giải quyết vụ án, không có sai sót, vi phạm xảy ra.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và cho bà Tươi được ly hôn với ông Trương Tất S.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 03/01/2008 cho bà Nguyễn Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, ông S không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Gia Lai giải quyết ly hôn với ông Trương Tất S và yêu cầu giải quyết việc tranh chấp nuôi con chung nên đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Trương Tất S có địa chỉ nơi cư trú tại thôn 9, xã Y, huyện K, tỉnh Gia Lai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo quy định cho bị đơn là ông Trương Tất S nhưng ông không có mặt để tham gia tố tụng tại Tòa án. Đối với nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đề nghị này của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Chính vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự trong vụ án là bà T và ông S theo quy định tại Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Trương Tất S cưới nhau vào năm 2001 nhưng tại thời điểm đó ông bà chưa đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Việc ông bà cưới nhau là hoàn toàn tự nguyện, trước khi kết hôn thì ông bà đã có sự tìm hiểu, yêu thương nhau và được sự đồng ý của gia đình hai bên. Đến ngày 25/02/2003, ông S và bà T mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã H), huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi cưới, ông bà chung sống hạnh phúc với nhau và có con chung. Tuy nhiên, cách đây khoảng 8 năm thì vợ chồng ông bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do tính tình mỗi người bắt đầu đối khác, thường xuyên bất đồng với nhau về nhiều vấn đề trong cuộc sống. Do việc sống chung có quá nhiều điều không hay, để tránh việc va chạm, cãi cọ nên ông bà đã sống ly thân từ đó và không còn quan tâm gì tới nhau nữa. Nay bà T thấy giữa bà và ông S đã thật sự không còn tình cảm gì với nhau vì đã 8 năm nay ông bà không còn qua lại, chăm sóc gì cho nhau, hạnh phúc gia đình không có nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông S.

Về phía bị đơn là ông Trương Tất S thì trong quá trình giải quyết vụ án đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng ông không đến Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án. Việc không chấp hành của ông S thể hiện thái độ

không tôn trọng pháp luật, không những từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình mà còn gây khó khăn, cản trở cho Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông S đồng thời căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa cũng như xem xét ý kiến của nguyên đơn để quyết định về vụ án là hợp lý. Ông S phải chịu hậu quả của việc không thực hiện nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Mục đích của hôn nhân là xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên trong gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; cùng chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình đồng thời vợ chồng còn có nghĩa vụ chung sống với nhau. Tuy nhiên, có thể thấy cuộc sống chung giữa bà Nguyễn Thị T và ông Trương Tất S đã thực sự không còn hạnh phúc, đã 8 năm nay ông bà không còn qua lại, chăm sóc gì cho nhau chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng ông bà đã thực sự trầm trọng và không thể hàn gắn được. Như vậy, có thể thấy đời sống chung của ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T và cho bà được ly hôn với ông S là phù hợp.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị T với ông Trương Tất S có 02 con chung là cháu Trương Tất N, sinh ngày 23/9/2001 và cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 03/01/2008. Hiện nay, cháu N đã trưởng thành và tự lập được nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết việc nuôi dưỡng cháu. Riêng cháu H còn nhỏ, đang sống phụ thuộc vào bố mẹ nên khi ly hôn bà T có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng cháu và bà cũng cam đoan sẽ nuôi dưỡng cháu đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần đồng thời bà không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con.

Về phần ông Trương Tất S không có ý kiến gì.

Xét nguyện vọng xin được nuôi con của bà T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cha, mẹ đều có quyền bình đẳng trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc giao con cho ai nuôi thì phải căn cứ vào khả năng và trách nhiệm của người đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con. Bản thân cháu Trương Thị Hồng H còn nhỏ và là con gái nên cháu cần tình yêu thương và sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Mặt khác, trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu H cũng có ý kiến thể hiện mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Chính vì vậy, để đảm bảo cho sự phát triển ổn định và quyền lợi của cháu H về mọi mặt thì cần chấp nhận nguyện vọng của bà T và giao cho bà được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H là phù hợp.

Đối với cháu Trương Tất Nguyên hiện đã trưởng thành và tự lập được nên Hội đồng xét xử không xem xét việc nuôi dưỡng cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Tươi không yêu cầu ông S phải cấp dưỡng nuôi con, bà cam đoan sẽ chăm lo đầy đủ cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Xét đây là sự tự nguyện của bà T nên Hội đồng xét xử chấp nhận và không buộc ông S phải cấp dưỡng nuôi con cho bà T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có tranh chấp và các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với nội dung vụ án là phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 235, 238, 264, 266 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Trương Tất S.

- Về con chung: Giao cháu Trương Thị Hồng H, sinh ngày 03/01/2008 cho bà Nguyễn Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Ông Trương Tất S không phải cấp dưỡng nuôi con cho bà Nguyễn Thị T.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của các đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0003595 ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Gia Lai; bà T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện T,
tỉnh Hải Dương (lưu hồ sơ kết hôn);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phan Huy Viễn